

Số: 750/QĐ-UBND

Vĩnh Phúc, ngày 23 tháng 4 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500
Khu đô thị Yên Lạc - Dragon City tại thị trấn Yên Lạc và thị trấn
Tam Hồng, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ban hành ngày 19/2/2025;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị năm 2009; Luật số 35/2018/QH14, sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ, về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị; Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng Quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 1470/QĐ-UBND ngày 27/4/2016 của UBND tỉnh về việc phê duyệt đồ án Quy hoạch phân khu B3, tỷ lệ 1/2000 Khu đô thị, nông nghiệp sinh thái tại huyện Vĩnh Tường và huyện Yên Lạc tỉnh Vĩnh Phúc; điều chỉnh cục bộ tại các Quyết định số 3059/QĐ-UBND ngày 09/11/2021, số 227/QĐ-UBND ngày 05/02/2024.

Căn cứ Quyết định số 1343/QĐ-UBND ngày 14/5/2014 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Quy hoạch chung (tỷ lệ 1/5000) đô thị Tam Hồng, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc đến năm 2030; điều chỉnh tại các Quyết định số 1097/QĐ-UBND ngày 19/5/2023, số 548/QĐ-UBND ngày 28/3/2025;

Căn cứ Quyết định số 1695/QĐ-UBND ngày 22/6/2010 của UBND tỉnh về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng Khu đô thị Yên Lạc, tại thị trấn Yên Lạc và xã Tam Hồng, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc - tỷ lệ 1/2000;

Căn cứ Quyết định số 2042/QĐ-UBND ngày 06/8/2013 của UBND tỉnh về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu đô thị Yên Lạc –

Dragon City tại thị trấn Yên Lạc và xã Tam Hồng, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc; điều chỉnh cục bộ tại các Quyết định số 3393/QĐ-UBND ngày 01/12/2017, số 3022/QĐ-UBND ngày 27/11/2019, số 340/QĐ-UBND ngày 08/02/2021, số 2470/QĐ-UBND ngày 08/9/2021;

Căn cứ Thông báo số 09/TB-UBND ngày 07/01/2025 của UBND tỉnh về Kết luận của Phó Chủ tịch UBND tỉnh Vũ Việt Văn tại cuộc họp nghe Sở Xây dựng báo cáo công tác quy hoạch đô thị trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 344/QĐ-UBND ngày 28/02/2025 của UBND tỉnh về việc phê duyệt nhiệm vụ lập điều chỉnh Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu đô thị Yên Lạc – Dragon City, tại thị trấn Yên Lạc và thị trấn Tam Hồng, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc;

Căn cứ ý kiến thống nhất của Thành viên UBND tỉnh theo phiếu lấy ý kiến của UBND tỉnh;

Xét đề nghị của Sở Xây dựng tại tờ trình số 78/TTr-SXD ngày 04/4/2025,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh quy hoạch, gồm những nội dung chủ yếu sau:

1. Tên đồ án: Điều chỉnh Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu đô thị Yên Lạc - Dragon City, tại thị trấn Yên Lạc và thị trấn Tam Hồng, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc.

2. Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Đô thị Dragon City

3. Lý do điều chỉnh quy hoạch

Dự án Khu đô thị Yên Lạc - Dragon City do Công ty Cổ phần Đô thị Dragon City làm chủ đầu tư đã được UBND tỉnh phê duyệt Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/2000 và quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500; chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư tại Quyết định số 2981/QĐ-UBND ngày 29/10/2021. Cục Quản lý hoạt động xây dựng - Bộ Xây dựng thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi hạng mục hạ tầng kỹ thuật tại thông báo kết quả thẩm định số 212/HĐXD-QLKT ngày 29/7/2022.

Dự án chưa được giao đất, chưa đầu tư xây dựng theo quy hoạch chi tiết được phê duyệt, trong quá trình triển khai dự án, UBND huyện Yên Lạc, UBND thị trấn Tam Hồng đề xuất điều chỉnh một số nội dung quy hoạch: Điều chỉnh ranh giới để tách đất nghĩa trang hiện có ra khỏi dự án, bổ sung đường gom của Đường tỉnh 304, điều chỉnh đất cây xanh, nhà văn hóa cho phù hợp hiện trạng sử dụng và nhu cầu của địa phương, vì vậy việc điều chỉnh quy hoạch là cần thiết để tiếp tục triển khai dự án.

4. Địa điểm: Tại thị trấn Yên Lạc và thị trấn Tam Hồng, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc.

5. Quy mô, tính chất

5.1. Quy mô

- Diện tích quy hoạch được duyệt 391.553,7m²; diện tích lập điều chỉnh quy hoạch 380.394,2m²; giảm 11.159,5m² so với quy hoạch được duyệt, do tách đất quy hoạch cây xanh (hiện trạng là nghĩa trang) ra khỏi phạm vi dự án.

- Quy mô dân số: Sức chứa của khu vực dự báo khoảng 5.976 người, giảm 540 người so với quy hoạch được duyệt, do giảm diện tích đất ở.

5.2. Tính chất: Là khu ở mới được đầu tư đồng bộ về hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, đảm bảo cảnh quan chung khu vực, tuân thủ quy hoạch chi tiết được duyệt, phù hợp quy hoạch chung và quy hoạch phân khu của khu vực.

6. Nội dung điều chỉnh quy hoạch

6.1. Quy hoạch sử dụng đất

* Các chỉ tiêu của đồ án đạt được:

- Đất ở: 30,7m²/người (chỉ tiêu cho dân số và đất ở thấp tầng).
- Đất cây xanh: 3,92m²/ người, trong đó bố trí các sân chơi thể thao theo quy định.
- Đất giáo dục: Trường mầm non 16,93m²/ học sinh; trường tiểu học, THCS 15,58m²/học sinh.
- Công trình y tế trên khu đất diện tích 1.732m².
- Nhà văn hoá bố trí tại 03 vị trí phù hợp 02 nhóm ở và khu dân cư hiện trạng.
- Bãi đỗ xe: 3,19m²/người đáp ứng cho dân số tại khu vực nhà ở thấp tầng. Đối với khu nhà ở xã hội cao tầng bố trí bãi đỗ xe trong dự án.

- Công trình thương mại trên khu đất diện tích 2.051m².
- Đất nhà ở xã hội, tổng diện tích 35.159,5m², đạt tỷ lệ 20,07%.

Tổng diện tích nghiên cứu quy hoạch 391.553,7m²; diện tích trong phạm vi dự án 380.394,2m²; diện tích ngoài phạm vi dự án 11.159,6m². Bao gồm:

STT	Chức năng sử dụng đất	Điều chỉnh lần 4, diện tích (m ²)	Điều chỉnh lần 5		Diện tích tăng, giảm (m ²)
			Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)	
I	Đất trong phạm vi thực hiện dự án	391.553,7	380.394,2	100,00	-11.159,6
1	Đất ở	184.267,4	175.178,0	46,05	-9.089,4
1.1	Đất nhà ở liền kề	114.904,5	118.538,1		+3.633,6
1.2	Đất nhà ở biệt thự đơn lập	14.609,6			-14.609,6
1.3	Đất nhà ở biệt thự song lập	9.980,2	14.525,1		+4.545,0
1.4	Đất ở hỗn hợp thấp tầng	7.663,3	6.955,4		-708,0
1.5	Đất nhà ở xã hội	37.109,9	35.159,5		-1.950,4
-	<i>Đất ở xã hội thấp tầng</i>	<i>6.129,8</i>			<i>-6.129,8</i>
-	<i>Đất ở xã hội cao tầng</i>	<i>30.980,1</i>	<i>35.159,5</i>		<i>+4.179,4</i>
2	Đất công trình hạ tầng xã hội	49.072,3	55.274,5	14,53	+6.202,2
2.1	Đất xây dựng nhà văn hóa	4.959,6	6.803,8		+1.844,2
2.2	Đất xây dựng công trình y tế	1.702,8	1.732,0		+29,2
2.3	Đất giáo dục	17.220,5	16.234,3		-986,2
-	<i>Đất trường mầm non</i>	<i>5.270,4</i>	<i>5.063,4</i>		<i>-207,0</i>
-	<i>Đất trường liên cấp (Cấp 1, Cấp</i>	<i>11.950,1</i>			<i>-779,2</i>

STT	Chức năng sử dụng đất	Điều chỉnh lần 4, diện tích (m ²)	Điều chỉnh lần 5		Diện tích tăng, giảm (m ²)
			Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)	
	2)		11.170,9		
2.4	Đất thể dục thể thao (Trung tâm văn hóa – Thể thao)		5.031,6		+5.031,6
2.5	Đất cây xanh sử dụng công cộng	24.448,1	23.421,8		-1.026,3
2.6	Đất xây dựng hỗn hợp - TMDV	741,3	2.051,0		+1.309,8
3	Đất cây xanh cách ly	3.786,9	3.786,9	0,99	0,0
4	Đất đường giao thông	134.972,3	128.222,0	33,71	-6.750,3
4	Bãi đỗ xe đất ở thấp tầng	16.088,0	14.566,0	3,82	-1.522,1
5	Đất HTKT- Trạm xử lý nước thải	3.366,8	3.366,8	0,90	0,0
II	Đất ngoài phạm vi thực hiện dự án		11.159,6		+11.159,6
	Tổng	391.553,7	391.553,7		

- Đất ở có tổng diện tích 175.178,01m². Trong đó:

+ Đất ở liền kề, tổng diện tích 118.538,06m², tại các lô đất ký hiệu từ LP-01 ÷ LP-26, LP-26B, LP-27 ÷ LP-38, LP-38A, LP-39, LP-41 ÷ LP-51, LP-55 ÷ LP-62, LP-62*, LP-63, LP-64, LP-66, LP-32* ÷ LP-39*, gồm 1.039 ô đất ở, mật độ xây dựng tối đa 100% (cụ thể chi tiết tại bản vẽ ký hiệu QH-04 và theo QCVN: 01/2021/BXD); tầng cao xây dựng công trình tối đa 06 tầng.

+ Đất ở biệt thự, tổng diện tích 14.525,13m², tại các lô đất ký hiệu từ BTSL-01 ÷ BTSL-06, gồm 74 ô đất ở, mật độ xây dựng tối đa 74% (cụ thể chi tiết tại bản vẽ ký hiệu QH-04 và theo QCVN: 01/2021/BXD); tầng cao xây dựng công trình tối đa 03 tầng.

+ Đất ở hỗn hợp, tổng diện tích 6.955,35m², tại các lô đất ký hiệu từ OHH-01 ÷ OHH-11, OHH-13 ÷ OHH-16 gồm 27 ô đất ở, mật độ xây dựng tối đa 80% (cụ thể chi tiết tại bản vẽ ký hiệu QH-04 và theo QCVN: 01/2021/BXD); tầng cao xây dựng công trình tối đa 07 tầng.

+ Đất nhà ở xã hội, tổng diện tích 35.159,47m², tại các lô đất ký hiệu XH-01, XH-02, dự kiến có 472 căn hộ. Mật độ xây dựng trên lô đất tối đa 40% (cụ thể chi tiết tại bản vẽ ký hiệu QH-04; theo Nghị định số 49/2021/NĐ-CP và theo QCVN: 01/2021/BXD); tầng cao xây dựng công trình 05 tầng.

- Đất nhà văn hóa có tổng diện tích 6.803,79m². Gồm 03 lô đất ký hiệu CC-01, CC-02, CC-02A. Mật độ xây dựng tối đa 40%, tầng cao xây dựng công trình tối đa 02 tầng.

- Đất y tế, diện tích 1.732m², tại lô đất ký hiệu CC-03. Mật độ xây dựng tối đa 40%, tầng cao xây dựng công trình tối đa 03 tầng.

- Đất giáo dục, tổng diện tích 16.234,31m², tại 02 lô đất ký hiệu GD-01, GD-02. Mật độ xây dựng tối đa 40%, tầng cao xây dựng công trình tối đa 03 tầng.

- Đất trung tâm văn hóa thể thao, diện tích 5.031,55m², tại lô đất ký hiệu TDTT-01. Mật độ xây dựng tối đa 40%, tầng cao xây dựng công trình tối đa 03 tầng.

- Đất cây xanh sử dụng công cộng (công viên, vườn hoa) có tổng diện tích 23.421,79m², tại các lô đất ký hiệu từ CX-01 đến CX-06 và đất hành lang cây xanh, mật độ xây dựng tối đa 5%, chiều cao xây dựng công trình tối đa 01 tầng (trong đất cây xanh phải dành tối thiểu 25% để quy hoạch bố trí sân chơi, không gian hoạt động thể thao, giải trí ngoài trời).

- Đất cây xanh chuyên dụng (cây xanh cách ly) có tổng diện tích 3.786,94m², tại các lô đất ký hiệu từ CXCL-01 đến CXCL-03.

- Đất dịch vụ thương mại có diện tích 2.051,02m², tại lô đất ký hiệu DVTM-01. Mật độ xây dựng tối đa 40%, tầng cao xây dựng công trình tối đa 07 tầng.

- Đất bãi đỗ xe, tổng diện tích 14.565,95m², tại các lô đất ký hiệu từ P-01 đến P-14.

- Đất hạ tầng kỹ thuật (trạm xử lý nước thải), diện tích 3.366,78m², tại lô đất ký hiệu HTKT.

- Đất giao thông, tổng diện tích 128.222,01m².

6.2. Tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan và thiết kế đô thị

6.2.1. Tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan của khu vực lập quy hoạch là khu nhà ở, được thiết kế với kiến trúc hiện đại, điểm nhấn của khu vực

là trục giao thông đường vành đai 4 đô thị Vĩnh Phúc đi giữa khu đất, kết hợp kiến trúc nhà ở và các khu cây xanh tập trung tạo cảnh quan.

Không gian cây xanh được quy hoạch tập trung. Bố trí khuôn viên, đường dạo, trồng mới cây xanh, phục vụ cho các sinh hoạt cộng đồng, cải thiện môi trường và cảnh quan cho khu vực.

6.2.2. Thiết kế đô thị

- Chỉ giới xây dựng phụ thuộc vào cấp hạng đường, quy mô, tính chất của các công trình và yêu cầu về khoảng lùi tối thiểu.

- Mật độ xây dựng và tầng cao công trình: Tuân thủ theo Quy chuẩn xây dựng Việt Nam 01: 2021/BXD của Bộ Xây dựng.

- Nhà ở liền kề: Chỉ giới xây dựng trùng với chỉ giới đường đỏ; tầng cao công trình 05 tầng (tầng 1 cao 4,1m; tầng 2, 3 cao 3,3m; tầng 4, 5 cao 3,1m); hình thức kiến trúc mái bằng, hiện đại.

- Nhà ở hỗn hợp: Chỉ giới xây dựng trùng với chỉ giới đường đỏ; tầng cao công trình 07 tầng (tầng 1 cao 4,2m; tầng 2, 3, 4, 5, 6 cao 3,6m; tầng 7 cao 3,3m); hình thức kiến trúc mái bằng, hiện đại.

- Nhà ở biệt thự: Chỉ giới xây dựng lùi tối thiểu 3,0m so với chỉ giới đường đỏ; tầng cao công trình 3,0 tầng (tầng 1 cao 4,1m; tầng 2, 3 cao 3,3m); hình thức kiến trúc mái dốc hiện đại.

- Nhà ở xã hội: Chỉ giới xây dựng tuân thủ QCVN 01: 2021/BXD; tầng cao công trình 5 tầng được thiết kế cụ thể khi triển khai dự án, hình thức kiến trúc kết hợp hiện đại.

6.3. Quy hoạch hạ tầng kỹ thuật

6.3.1. Quy hoạch chuẩn bị kỹ thuật khu đất

- San nền:

+ Nguyên tắc thiết kế: Bám sát vào cao độ hiện trạng các trục đường giao thông, khu dân cư hiện hữu lân cận để quy hoạch cao độ san nền, đảm bảo sự khớp nối với các trục đường, các dự án và các khu vực hiện hữu xung quanh, đảm bảo độ dốc dọc các trục đường giao thông và khả năng thoát nước cho các lô đất.

+ Cao độ san nền: Không chế san nền tại các lô đất; cao độ cao nhất là 10,80m và cao độ thấp nhất là 10,40.

- Thoát nước:

+ Hệ thống thoát nước: Trên cơ sở cao độ san nền, xây dựng hệ thống thoát nước nửa riêng với hệ thống thoát nước thải; đảm bảo khả năng thoát nước theo nguyên tắc tự chảy. Phân chia thành 03 lưu vực thoát nước, hướng thoát nước theo hệ thống thoát nước chung của khu vực.

+ Mạng lưới thoát nước: Nước mưa được thu gom bằng các hệ thống rãnh kín bê tông cốt thép có kích thước B600; B800; B1000; D1500 đặt trên đường giao thông.

6.3.2. Quy hoạch mạng lưới giao thông

- Mặt cắt 1-1: $B = 36,0\text{m} (4,5 + 7,5 + 12,0 + 7,5 + 4,5)\text{m}$;
- Mặt cắt 2-2: $B = 28,0\text{m} (5,0 + 7,5 + 3,0 + 7,5 + 5,0)\text{m}$;
- Mặt cắt 3-3: $B = 18,0\text{m} (5,5 + 7,5 + 5,0)\text{m}$;
- Mặt cắt 4-4: $B = 15,0\text{m} (3,75 + 7,5 + 3,75)\text{m}$;
- Mặt cắt 5-5: $B = 13,5\text{m} (3,0 + 7,5 + 3,0)\text{m}$;
- Mặt cắt 6-6 (tuyến đường giáp dự án khác): $B = 9,0\text{m} (3,0 + 6,0)\text{m}$;
- Mặt cắt 7-7 (đường gom ĐT.304): $B = 10,0\text{m} (3,0 + 7,0)\text{m}$;
- Mặt cắt 8-8 (tuyến đường giáp dự án khác): $B = 14,25\text{m} (3,75 + 7,5 + 3,0)\text{m}$;
- Mặt cắt 9-9 (tuyến đường giáp dự án khác và trong khu đất cây xanh): $B = 7,0\text{m}$.

Bãi đỗ xe: Tổng diện tích của các bãi đỗ xe là 14.566 m², được bố trí thành 14 bãi đỗ xe.

6.3.3. Quy hoạch cấp nước

- Nhu cầu cấp nước 2.211 m³/ngđ.
- Nguồn cấp nước: Từ đường ống D160 và D280 trên đường tỉnh 305, 303.
- Thiết kế quy hoạch: Đảm bảo bố trí mạng lưới đường ống phân phối đến từng khu vực và đường ống dịch vụ đi trên các đường giao thông, đến từng đơn vị tiêu thụ nước. Mạng lưới đường ống cấp nước trong khu vực lập quy hoạch gồm các đường ống từ Ø20 đến Ø225.

- Cấp nước cứu hỏa: Là hệ thống cấp nước cứu hỏa áp lực thấp; các họng cứu hỏa được đầu nối vào mạng lưới cấp nước phân phối có đường kính $\geq 100\text{mm}$ và được bố trí gần ngã ba, ngã tư hoặc trục đường lớn thuận lợi cho công tác phòng cháy, chữa cháy; khoảng cách giữa các họng cứu hỏa khoảng 150m -200m.

6.3.4. Quy hoạch cấp điện và chiếu sáng

- Nhu cầu cấp điện 8.630KVA.

- Nguồn điện: Lấy từ nguồn trung áp 35kV chạy trên đường dọc đường Nguyễn Khắc Cần giáp dự án.

- Trạm biến áp: Xây dựng mới 09 trạm biến áp, công suất mỗi trạm từ 630KVA đến 1.250KVA, đảm bảo cung cấp cho khu vực lập quy hoạch.

- Mạng lưới đường dây: Di chuyển mạng lưới đường dây trung thế cắt ngang qua các lô đất chức năng lên via hè đường giao thông; hệ thống đường dây hạ thế được đi ngầm, tiết diện và chủng loại dây dẫn được sử dụng đảm bảo khả năng truyền tải điện năng đến các đơn vị tiêu thụ điện.

- Hệ thống chiếu sáng: Đường điện chiếu sáng chạy song song với đường điện cấp sinh hoạt. Đối với các trục đường có lòng đường lớn hơn 10,5m, bố trí chiếu sáng hai bên đường; các trục đường còn lại bố trí chiếu sáng 1 bên đường.

6.3.5. Quy hoạch thoát nước thải và VSMT

- Thoát nước thải:

+ Chỉ tiêu thu gom nước thải $\geq 80\%$ chỉ tiêu cấp nước.

+ Mạng thoát nước: Nước thải sau khi được xử lý sơ bộ tại các đơn vị sử dụng nước, được thu gom, đưa về trạm xử lý nước thải phía Đông Nam trong khu quy hoạch.

+ Hệ thống cống thoát nước thải, sử dụng các đường ống D300.

- Vệ sinh môi trường: Chất thải rắn được phân loại tại nguồn, được thu gom hàng ngày, vận chuyển đến khu xử lý chất thải rắn chung để xử lý.

6.3.6. Thông tin liên lạc

Nguồn cấp thuộc tổng đài điều khiển của các nhà dịch vụ mạng, nhu cầu sử dụng được tính toán phù hợp với quy mô phát triển của khu vực. Mạng lưới

thông tin liên lạc được quy hoạch đồng bộ với hệ thống hạ tầng kỹ thuật trong khu vực lập quy hoạch.

6.4. Các biện pháp bảo vệ môi trường

- Môi trường đất: Khai thác, sử dụng đất hợp lý; phân loại CTR tại nguồn để thuận lợi cho thu gom, phân loại, tái chế và xử lý triệt để CTR phát sinh.

- Môi trường không khí: Bố trí khu cây xanh mặt nước đảm bảo chất lượng môi trường không khí cho khu vực.

- Bảo vệ môi trường nước: Xây dựng hệ thống thu gom nước thải, dẫn về khu xử lý nước thải tập trung, xử lý đạt tiêu chuẩn trước khi xả ra môi trường.

- Giải pháp về quản lý:

+ Quản lý chặt chẽ từ giai đoạn thiết kế nhằm tận dụng tối đa nguyên vật liệu địa phương. Khi vận chuyển vật liệu từ khu vực khác tới cần phải quy định rõ loại phương tiện vận chuyển và thời gian được phép vận chuyển. Các biện pháp hạn chế rơi vãi vật liệu trong quá trình vận chuyển.

+ Quản lý chặt chẽ trong công tác lập tiến độ thi công, quy định các biện pháp thi công hạn chế tối đa các tác nhân tiêu cực về tiếng ồn, bụi và có biện pháp bảo đảm các chất thải xây dựng không ảnh hưởng đến môi trường sinh thái.

+ Xây dựng quy chế, quy định về vệ sinh môi trường khu vực.

6.5. Kinh phí đầu tư, phân kỳ đầu tư và nguồn lực để thực hiện

- Kinh phí đầu tư cơ sở hạ tầng kỹ thuật khoảng 294,06 tỷ đồng; nguồn vốn của chủ đầu tư dự án.

- Tập trung đầu tư đồng bộ các hạng mục hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật, để triển khai dự án theo kế hoạch.

Ban hành kèm theo các bản vẽ quy hoạch chi tiết tỉ lệ 1/500 và Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch đã được Sở Xây dựng thẩm định.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. UBND huyện Yên Lạc, UBND thị trấn Yên Lạc, UBND thị trấn Tam Hồng, Công ty Cổ phần Đô thị Dragon City phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức công bố, công khai quy hoạch được duyệt để các tổ chức, cá nhân biết và cùng giám sát thực hiện quản lý đầu tư, xây dựng theo quy hoạch;

thực hiện việc xác định nghĩa vụ tài chính có liên quan đến điều chỉnh quy hoạch.

2. Công ty Cổ phần Đô thị Dragon City cam kết thực hiện theo đúng tiến độ, đầu tư xây dựng các công trình phúc lợi phục vụ cộng đồng (y tế; văn hoá; các khu cây xanh vườn hoa, thể dục thể thao,..) đồng bộ với đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật; thực hiện các thủ tục về đất đai, đầu tư xây dựng theo quy định.

3. Các sở ngành Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường, Tài chính, Công thương, UBND huyện Yên Lạc, Công ty Cổ phần Đô thị Dragon City và cơ quan liên quan tổ chức thực hiện quy hoạch chi tiết được UBND tỉnh phê duyệt theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Thủ trưởng các ngành: Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường, Tài chính, Công thương, Chủ tịch UBND huyện Yên Lạc, Chủ tịch UBND thị trấn Yên Lạc, Chủ tịch UBND thị trấn Tam Hồng, Giám đốc Công ty Cổ phần Đô thị Dragon City và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ quyết định thi hành./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Trần Duy Đông